

**THÔNG BÁO**

**Về việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức các đơn vị  
sự nghiệp trực thuộc Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng năm 2025**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố về ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-VP ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng năm 2025.

Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng thông báo công nhận kết quả trúng tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc năm 2025 như sau:

## **1. Danh sách thí sinh trúng tuyển**

Danh sách người trúng tuyển theo Phụ lục đính kèm Thông báo này.

## **2. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng đối với người trúng tuyển**

Đề nghị thí sinh trúng tuyển viên chức hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, cụ thể như sau:

### **a) Thành phần hồ sơ**

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển và chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có), kèm theo bản chính để đối chiếu.

Đối với thí sinh sử dụng văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp để dự tuyển, đề nghị nộp bản chính và bản dịch có công chứng của văn bằng; bản sao có chứng thực Giấy công nhận do Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

Đối với bản chính theo yêu cầu, Văn phòng UBND thành phố sẽ hoàn trả sau khi đối chiếu thông tin tại Phiếu đăng ký dự tuyển và yêu cầu tại vị trí việc làm cần tuyển dụng.

Đối với trường hợp thí sinh thuộc trường hợp được miễn thi ngoại ngữ thì nộp chứng chỉ ngoại ngữ hoặc sử dụng một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 185/2023/NĐ-CP thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, gồm:

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

+ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

**b) Thời gian hoàn thiện hồ sơ:** Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển (Từ ngày 26/01/2026 - 24/02/2026).

**c) Địa điểm nộp hồ sơ:** Thí sinh trúng tuyển nộp trực tiếp hồ sơ tại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (tầng 1, Trung tâm Hành chính thành phố, số 24 đường Trần Phú, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng).

**d) Trường hợp thí sinh trúng tuyển không hoàn thiện hồ theo thời gian quy định nêu trên hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển**

hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy kết quả trúng tuyển theo quy định, thông báo công khai trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo công nhận kết quả trúng tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc năm 2025 để thí sinh được biết và hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- CVP UBND TP (báo cáo)
- Hội đồng xét tuyển viên chức;
- Công TTĐT TP;
- Ban Quản lý Tòa nhà TTHC TP;
- Các thí sinh tham dự xét tuyển;
- Lưu: VT, HCTC. 5

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Đinh Quang Cường**



**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC**  
**VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2025**  
(Kèm theo Thông báo số 15 /TB-VP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

| STT                                                                 | Họ và tên       | Ngày, tháng, năm sinh | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Chỉ tiêu tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp | Mã số      | Trình độ chuyên môn          | Đôi trọng ưu tiên | Kết quả điểm kiểm tra sát hạch thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Kết quả điểm thi | Kết quả tuyển dụng | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------|-----------------------|------------|------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|--------------|------------------|--------------------|---------|
| 1                                                                   | 2               | 3                     | 4                                | 5                   | 6                     | 7          | 8                            | 9                 | 10                                             | 11           | 12=<br>10+11     | 13                 | 14      |
| <b>I BAN QUẢN LÝ TÒA NHÀ TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG</b> |                 |                       |                                  |                     |                       |            |                              |                   |                                                |              |                  |                    |         |
| <b>Vị trí Kỹ sư (V.05.02.07)</b>                                    |                 |                       |                                  |                     |                       |            |                              |                   |                                                |              |                  |                    |         |
| 1                                                                   | Chế Viết Bình   | 03/5/1997             | Kỹ sư                            | 6                   | Kỹ sư hạng III        | V.02.05.07 | Kỹ sư Kỹ thuật điện, điện tử |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 2                                                                   | Võ Anh Dũng     | 20/01/2000            |                                  |                     |                       |            | Kỹ sư Cơ Điện tử             |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 3                                                                   | Nguyễn Văn Phúc | 26/9/1997             |                                  |                     |                       |            | Kỹ sư Kỹ thuật điện tử       |                   | 15                                             |              | 15               | Không trúng tuyển  |         |
| 4                                                                   | Trần Minh Quân  | 21/8/2002             |                                  |                     |                       |            | Kỹ sư Kỹ thuật Nhiệt         |                   | 20,5                                           |              | 20,5             | Không trúng tuyển  |         |
| 5                                                                   | Phạm Văn Thanh  | 01/10/1985            |                                  |                     |                       |            | Kỹ sư Điện kỹ thuật          | Con thương binh   | 48                                             | 5            | 53,0             | Không trúng tuyển  |         |
| 6                                                                   | Nguyễn Đức Toàn | 01/01/1990            |                                  |                     |                       |            | Kỹ sư Công nghệ tự động      |                   | 35                                             |              | 35               | Không trúng tuyển  |         |

| STT                               | Họ và tên        | Ngày, tháng, năm sinh | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Chỉ tiêu tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp | Mã số      | Trình độ chuyên môn                 | Đối tượng ưu tiên | Kết quả điểm kiểm tra sát hạch thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Kết quả điểm thi | Kết quả tuyển dụng | Ghi chú |
|-----------------------------------|------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------|-----------------------|------------|-------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|--------------|------------------|--------------------|---------|
| 1                                 | 2                | 3                     | 4                                | 5                   | 6                     | 7          | 8                                   | 9                 | 10                                             | 11           | 12=<br>10+11     | 13                 | 14      |
| 7                                 | Trần Quốc Tuấn   | 06/11/1997            |                                  |                     |                       |            | Kỹ sư Kỹ thuật điện tử - Viễn thông |                   | 12                                             |              | 12               | Không trúng tuyển  |         |
| 8                                 | Huỳnh Ngọc Tuyền | 25/12/1983            |                                  |                     |                       |            | Thạc sỹ Kỹ thuật điện               |                   | 15                                             |              | 15               | Không trúng tuyển  |         |
| 9                                 | Lê Quốc Vinh     | 03/3/2002             |                                  |                     |                       |            | Kỹ sư Kỹ thuật Cơ khí               |                   | 20                                             |              | 20               | Không trúng tuyển  |         |
| Vị trí Kỹ thuật viên (V.05.02.08) |                  |                       |                                  |                     |                       |            |                                     |                   |                                                |              |                  |                    |         |
| 1                                 | Nguyễn Văn Hùng  | 23/5/2003             | Kỹ thuật viên                    | 5                   | Kỹ thuật viên hạng IV | V.02.05.08 | Cao đẳng Lập trình máy tính         |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 2                                 | Huỳnh Ngọc Khoa  | 10/6/1993             |                                  |                     |                       |            | Cao đẳng Điện Công nghiệp           | Công an xuất ngũ  | 46,5                                           | 2,5          | 49,0             | Không trúng tuyển  |         |
| 3                                 | Đỗ Viết Lộc      | 29/12/1997            |                                  |                     |                       |            | Cao đẳng Lập trình máy tính         |                   | 32,25                                          |              | 32,25            | Không trúng tuyển  |         |

| STT                                                 | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Chỉ tiêu tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp        | Mã số      | Trình độ chuyên môn         | Đối tượng ưu tiên | Kết quả điểm kiểm tra sát hạch thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Kết quả điểm thi | Kết quả tuyển dụng | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------|------------------------------|------------|-----------------------------|-------------------|------------------------------------------------|--------------|------------------|--------------------|---------|
| 1                                                   | 2                     | 3                     | 4                                | 5                   | 6                            | 7          | 8                           | 9                 | 10                                             | 11           | 12=<br>10+11     | 13                 | 14      |
| <b>II. CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG</b> |                       |                       |                                  |                     |                              |            |                             |                   |                                                |              |                  |                    |         |
| <b>Vị trí Công nghệ thông tin (V.11.06.14)</b>      |                       |                       |                                  |                     |                              |            |                             |                   |                                                |              |                  |                    |         |
| 1                                                   | Phan Ngọc An          | 09/11/1989            | Công nghệ thông tin              | 2                   | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | Cử nhân Công nghệ thông tin |                   | 44                                             |              | 44               | Không trúng tuyển  |         |
| 2                                                   | Ngô Thị Minh Ánh      | 19/10/2003            |                                  |                     |                              |            | Cử nhân Công nghệ thông tin |                   | 61,5                                           |              | 61,5             | Trúng tuyển        |         |
| 3                                                   | Hà Trọng Nguyên       | 08/3/2001             |                                  |                     |                              |            | Cử nhân Công nghệ thông tin |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 4                                                   | Dương Mạnh Quân       | 22/6/2001             |                                  |                     |                              |            | Cử nhân Công nghệ thông tin |                   | 35,0                                           |              | 35,0             | Không trúng tuyển  |         |
| 5                                                   | Huỳnh Nguyễn Tấn Sang | 16/8/2002             |                                  |                     |                              |            | Kỹ sư Công nghệ thông tin   |                   | 43,5                                           |              | 43,5             | Không trúng tuyển  |         |
| 6                                                   | Bùi Văn Thông         | 07/3/1988             |                                  |                     |                              |            | Kỹ sư Công nghệ thông tin   |                   | 44,0                                           |              | 44,0             | Không trúng tuyển  |         |
| 7                                                   | Nguyễn Xuân Tuấn      | 24/11/2000            |                                  |                     |                              |            | Cử nhân Tin học             |                   | 25,0                                           |              | 25,0             | Không trúng tuyển  |         |

| STT                                                   | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Chỉ tiêu tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp | Mã số  | Trình độ chuyên môn  | Đối tượng ưu tiên | Kết quả điểm kiểm tra sát hạch thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Kết quả điểm thi | Kết quả tuyển dụng | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------|-----------------------|--------|----------------------|-------------------|------------------------------------------------|--------------|------------------|--------------------|---------|
| 1                                                     | 2                    | 3                     | 4                                | 5                   | 6                     | 7      | 8                    | 9                 | 10                                             | 11           | 12=<br>10+11     | 13                 | 14      |
| <b>Vị trí Chuyên viên về tin tức sự kiện (01.003)</b> |                      |                       |                                  |                     |                       |        |                      |                   |                                                |              |                  |                    |         |
| 1                                                     | Nguyễn Thị Ngọc Anh  | 06/3/2002             | Chuyên viên về tin tức sự kiện   | 3                   | Chuyên viên           | 01.003 | Cử nhân Báo chí      |                   | 40,75                                          |              | 40,75            | Không trúng tuyển  |         |
| 2                                                     | Cao Văn Anh          | 28/11/2003            |                                  |                     |                       |        | Cử nhân Luật         |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 3                                                     | Mai Thị Kim Anh      | 02/02/2000            |                                  |                     |                       |        | Cử nhân Báo chí      |                   | 20,75                                          |              | 20,75            | Không trúng tuyển  |         |
| 4                                                     | Nguyễn Thị Kim Ánh   | 14/11/1997            |                                  |                     |                       |        | Cử nhân Luật         |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 5                                                     | Phạm Thị Đàm         | 01/10/1995            |                                  |                     |                       |        | Cử nhân Luật         | Dân tộc thiểu số  | 15,25                                          | 5            | 20,25            | Không trúng tuyển  |         |
| 6                                                     | Bùi Văn Đức          | 01/8/1995             |                                  |                     |                       |        | Thạc sĩ Luật Kinh tế |                   | 28,5                                           |              | 28,5             | Không trúng tuyển  |         |
| 7                                                     | Nguyễn Phương Dung   | 30/3/1997             |                                  |                     |                       |        | Cử nhân Luật         |                   | 26,75                                          |              | 26,75            | Không trúng tuyển  |         |
| 8                                                     | Lê Nguyễn Quang Hà   | 26/01/1999            |                                  |                     |                       |        | Cử nhân Báo chí      |                   | 79                                             |              | 79               | Trúng tuyển        |         |
| 9                                                     | Đoàn Thị Như Hà      | 09/02/2002            |                                  |                     |                       |        | Cử nhân Báo chí      |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 10                                                    | Nguyễn Thị Ngọc Hiền | 29/5/2002             |                                  |                     |                       |        | Cử nhân Luật Kinh tế |                   | 38                                             |              | 38               | Không trúng tuyển  |         |

| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Chỉ tiêu tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp | Mã số | Trình độ chuyên môn             | Đối tượng ưu tiên | Kết quả điểm kiểm tra sát hạch thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Kết quả điểm thi | Kết quả tuyển dụng | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------|-----------------------|-------|---------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|--------------|------------------|--------------------|---------|
| 1   | 2                   | 3                     | 4                                | 5                   | 6                     | 7     | 8                               | 9                 | 10                                             | 11           | 12=<br>10+11     | 13                 | 14      |
| 11  | Mai Văn Hy          | 11/11/1999            |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Báo chí                 |                   | 47,5                                           |              | 47,5             | Không trúng tuyển  |         |
| 12  | Trần Đoan Kim       | 28/7/2000             |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Luật                    |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 13  | An Hà Phương Linh   | 14/11/2000            |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Luật                    |                   | 18,25                                          |              | 18,25            | Không trúng tuyển  |         |
| 14  | Nguyễn Thị Trà My   | 22/8/1998             |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Luật                    |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 15  | Nguyễn Thị Kim Ngân | 19/11/2003            |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Báo chí                 |                   | 27,75                                          |              | 27,75            | Không trúng tuyển  |         |
| 16  | Nguyễn Lê Nguyên    | 14/11/2002            |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Luật                    | Con thương binh   | 19,5                                           | 5            | 24,5             | Không trúng tuyển  |         |
| 17  | Lê Hoàng Như        | 12/9/2003             |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Luật                    |                   | 24                                             |              | 24               | Không trúng tuyển  |         |
| 18  | Trần Kim Thái       | 23/6/1990             |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Luật, Cử nhân Tiếng Anh |                   | 30,5                                           |              | 30,5             | Không trúng tuyển  |         |
| 19  | Hồ Thị Phương Thuận | 01/12/1995            |                                  |                     |                       |       | Cao đẳng Báo chí, Cử nhân Luật  |                   | 69,5                                           |              | 69,5             | Trúng tuyển        |         |

| STT | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Chỉ tiêu tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp | Mã số | Trình độ chuyên môn                       | Đối tượng ưu tiên | Kết quả điểm kiểm tra sát hạch thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Kết quả điểm thi | Kết quả tuyển dụng | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------|-----------------------|-------|-------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|--------------|------------------|--------------------|---------|
| 1   | 2                 | 3                     | 4                                | 5                   | 6                     | 7     | 8                                         | 9                 | 10                                             | 11           | 12=<br>10+11     | 13                 | 14      |
| 20  | Phan Văn Toàn     | 31/10/1994            |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Báo chí                           |                   | 81                                             |              | 81               | Trúng tuyển        |         |
| 21  | Trương Thuỳ Trâm  | 24/12/1999            |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Luật                              |                   | 26,5                                           |              | 26,5             | Không trúng tuyển  |         |
| 22  | Hoàng Quỳnh Trang | 01/01/1999            |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh |                   |                                                |              |                  | Không trúng tuyển  | Vắng    |
| 23  | Ngô Ngọc Hoàng Vy | 13/4/2001             |                                  |                     |                       |       | Cử nhân Báo chí                           |                   | 28                                             |              | 28               | Không trúng tuyển  |         |
| 24  | Nguyễn Thị Yến    | 08/3/1996             |                                  |                     |                       |       | Thạc sỹ Luật                              |                   | 30,5                                           |              | 30,5             | Không trúng tuyển  |         |